TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *****	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *********

Bản án số: **07**/2020/KDTM-ST
Ngày: 23-03-2020
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Ông Phạm Tiến Lợi

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 43/2019/TLST–KDTM ngày 10/12/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-KDTM ngày 10/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-KDTM ngày 17/03/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng V *(gọi tắt là Ngân hàng V).*

Địa chỉ: quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông NCD - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng V. Người đại diện theo ủy quyền: Ông PTA - Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm Pháp luật Ngân hàng V *(Theo Văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/03/2020 của ông NCD).*

Ông PTA ủy quyền cho ông NTN, bà TTT, ông TCĐ – Cán bộ Ngân hàng V.

*** Bị đơn:** Công ty T *(gọi tắt là Công ty T).*

Địa chỉ trụ sở chính: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Anh KXH, sinh năm 1980

Chức vụ: Giám đốc.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Anh KXH ủy quyền cho anh NCC, sinh năm 1980; cư trú tại: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

01. Ông NHT2, sinh năm 1958.

02. Bà ĐTL, sinh năm 1958 *(vợ ông T2).*

03. Anh NHT3, sinh năm 1978 *(con ông T2 + bà L).*

04. Chị TTH1, sinh năm 1982 *(vợ anh T3).*

05. Cháu NHĐ2, sinh năm 2008 *(con anh T3 + chị H1).*

06. Cháu NTH2, sinh năm 2013 *(con anh T3 + chị H1).*

Người đại diện theo pháp luật của cháu NHĐ2 và cháu NTH2: Anh NHT3 và chị TTH1 (bố mẹ đẻ hai cháu).

07. Anh NHV, sinh năm 1988 *(con ông T2 + bà L).*

08. Chị NTTL1, sinh năm 1996 *(vợ anh V1).*

09. Cháu NHN, sinh năm 2018 *(con anh V1 + chị L1).*

Người đại diện theo pháp luật của cháu NHN: Anh NHV và chị NTTL1 (bố mẹ đẻ).

Cùng cư trú tại: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Ông NHT2, bà ĐTL, anh NHT3, chị TTH1, anh NHV và chị NTTL1 đều ủy quyền cho anh NCC, sinh năm 1980 (con rể ông T2 + bà L); cư trú tại: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

10. Anh KXH, sinh năm 1980

Nơi ĐKHKTT và cư trú: thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Anh KXH ủy quyền cho anh NCC, sinh năm 1980; cư trú tại: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

11. Anh NCC, sinh năm 1980

Cư trú tại: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt:

- Ông TCĐ – Cán bộ Ngân hàng V.
- Anh NCC, sinh năm 1980.

Cư trú tại: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng V (gọi tắt là Ngân hàng V) - ông TCĐ trình bày:*

Công ty T *(gọi tắt là Công ty T)* vay vốn tại Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Tây với tổng số tiền vay là: **2.332.700.000** đồng *(Hai tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng)* được thể hiện tại các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ. Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 061216-3268858-01-SME ngày 07/12/2016.

Số tiền vay: **528.000.000** đồng *(Năm trăm hai mươi tám triệu đồng).*

Thời hạn vay: **60** tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 7.5%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Phạt chậm trả lãi: Số tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết khoản nợ lãi.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T số tiền vay: **528.000.000** đồng *(Năm trăm hai mươi tám triệu đồng)* theo khế ước nhận nợ Số 061206 -3268858-08 – SME ngày 08/12/2016.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số 170717-3268858-01-SME ngày 19/07/2017.

Số tiền vay ghi trong hợp đồng cho vay hạn mức là: **3.000.000.000** đồng *(Ba tỷ đồng)*.

Thời hạn vay: **12** tháng tính từ ngày 19/07/2017.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng kết cấu thép công trình các loại.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9.2%/ năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Phạt chậm trả lãi: Số tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết khoản nợ lãi.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T số tiền **1.100.000.000** đồng *(Một tỷ, một trăm triệu đồng)* theo Khế ước nhận nợ số 210717-3268858-01-SME ngày 21/7/2017.

Thời hạn vay: 06 tháng *(từ 21/07/2017 đến 22/01/2018).*

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thép.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9.2%/ năm.

Trả nợ gốc: Trả một lần khi kết thúc thời hạn vay vào ngày 22/01/2018.

Trả nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/07/2017.

3. Hợp đồng cho vay từng lần số 041117-3268858-01-SME ngày 06/11/2017.

Số tiền vay: **704.700.000** đồng *(Bảy trăm linh bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).*

Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân cho bên vay *(từ 06/11/2017 đến 06/11/2020).*

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh trả góp định kỳ, bố sung vốn để mở rộng, phát triển kinh doanh; mua sắm tài sản cố định; đầu tư xây dựng và sửa chữa nhà xưởng, văn phòng.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 17.2%/ năm.

Lãi suất quán hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Phạt chậm trả lãi: Số tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết khoản nợ.

Trả nợ gốc: Trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/11/2017.

Trả nợ lãi: Trả định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2017.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T số tiền **704.700.000** đồng *(Bảy trăm linh bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng)* theo Khế ước nhận nợ Số 061317-3268858-01-SME ngày 06/11/2017.

Tổng cộng 03 lần giải ngân nêu trên, Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T số tiền **2.332.700.000** đồng *(Hai tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).*

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 02, diện tích 339m^2 *(Trong đó: Đất ở 200m^2; Đất trồng cây lâu năm 139m^2)* tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 543914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00650 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/09/2011 mang tên Hộ ông NHT2 và bà ĐTL).*

Hợp đồng thế chấp số công chứng: 246/2017; Quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2017 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô có địa chỉ tại: Số 70 phố Trung Hòa, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng nêu trên:

Ngày 19/7/2017, anh KXH đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL, anh NCC ký Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL và ngày 06/11/2017 anh KXH đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL, anh NCC ký Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL giữa bên bảo lãnh là anh KXH và anh NCC với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V và bên được bảo lãnh là Công ty T với nội dung: Anh KXH và anh NCC đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ *(nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp…)* và tất cả các nghĩa vụ khác của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 170717-3268858-01-SME ngày 19/07/2017 và Hợp đồng cho vay số 041117-3268858-01-SME ngày 06/11/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa bên được bảo lãnh và bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các Khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn như thỏa thuận.

Tính đến ngày 16/12/2019 Công ty T đã trả Ngân hàng V số tiền là: Nợ gốc: 1.104.681.354 đồng; nợ lãi: 208.989.887 đồng.

Tạm tính đến ngày 16/12/2019 Công ty T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là: 1.677.626.545 đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng; nợ lãi quá hạn: 415.379.688 đồng; lãi chênh lệch: 18.469.000 đồng).*

Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/03/2020 Công ty T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là: 1.774.293.798 đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng; nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng; lãi chênh lệch: 18.469.000 đồng; phạt chậm trả lãi: 43.757.653 đồng).*

Nay, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/03/2020 tổng số tiền là: 1.774.293.798 đồng *(Trong đó: Nợ gốc:1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng; nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng; lãi chênh lệch: 18.469.000 đồng; phạt chậm trả lãi: 43.757.653 đồng).*

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ kể từ ngày 24/3/2020 cho khi Công ty T thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng V.

Trường hợp Công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng V là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 2, diện tích 339m^2 *(Trong đó: Đất ở 200m^2; Đất trồng cây lâu năm 139m^2)* tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận số BG 543914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00650 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/09/2011 mang tên Hộ ông NHT2 và bà ĐTL)* để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ, Ngân hàng V có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là anh KXH và anh NCC có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ của Công ty T tại Ngân hàng V theo như các Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết. Trường hợp anh KXH và anh NCC không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty T tại Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xác minh các tài sản thuộc quyền sở hữu của bên bảo lãnh *(anh KXH và anh NCC)* để kê biên, phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng V. Trường hợp Công ty T không trả được nợ, tài sản thế chấp và tài sản của các bên bảo lãnh sau khi xử lý không đủ để trả khoản nợ của Công ty T tại Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thị hành án Dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh và kê biên phát mại các tài sản khác của Công ty T

để thu hồi hết các khoản nợ cho Ngân hàng V.

** Anh NCC là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty T (Công ty T) đồng thời anh Cường là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án (ông NHT2, bà ĐTL, anh NHT3, chị TTH1, anh NHV, chị NTTL1, anh KXH) trình bày:*

Năm 2016, anh có cùng làm ăn với anh KXH, do cần tiền để kinh doanh nên Công ty T có vay vốn tại Ngân hàng V với tổng số tiền vay là: 2.332.700.000 đồng. Tổng số tiền vay được thể hiện tại 03 Hợp đồng tín dụng và 03 Khế ước nhận nợ; thời hạn vay; lãi suất vay như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V trình bày. Cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 061216-3268858-01-SME ngày 07/12/2016 và Khế ước nhận nợ Số 061206 -3268858-08 – SME ngày 08/12/2016 vay số tiền 528.000.000 đồng *(Năm trăm hai mươi tám triệu đồng);* Hợp đồng cho vay hạn mức số 170717-3268858-01-SME ngày 19/07/2017 và Khế ước nhận nợ số 210717-3268858-01-SME ngày 21/7/2017 vay số tiền 1.100.000.000 đồng *(Một tỷ, một trăm triệu đồng)*; Hợp đồng cho vay từng lần số 041117-3268858-01-SME ngày 06/11/2017 và Khế ước nhận nợ Số 061317-3268858-01-SME ngày 06/11/2017 vay số tiền 704.700.000 đồng *(Bảy trăm linh bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).* Tổng cộng 03 Hợp đồng tín dụng và 03 Khế ước nhận nợ, Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty T số tiền **2.332.700.000** đồng *(Hai tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).*

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ông NHT2 và bà ĐTL là bố mẹ vợ anh đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 2, diện tích 339m^2 *(Trong đó: Đất ở 200m^2; Đất trồng cây lâu năm 139m^2)* tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 543914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00650 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/09/2011 mang tên Hộ ông NHT2 và bà ĐTL);* Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng nêu trên: Anh Cường thừa nhận, anh Hồng và anh đã ký 04 Hợp đồng bảo lãnh với nội dung: Anh và anh Hồng đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh cho Công ty T trong việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty T tại Ngân hàng V.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Do tình hình kinh doanh của Công ty T gặp khó khăn nên Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V nên Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn với mức lãi suất như thỏa thuận.

Anh thừa nhận, đến nay Công ty T mới trả cho Ngân hàng V số tiền 1.104.681.354 đồng nợ gốc và 208.989.887 đồng nợ lãi và thừa nhận tính đến ngày

xét xử sơ thẩm 23/03/2020 Công ty T còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là:1.774.293.798 đồng *(Trong đó: Nợ gốc:1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng; nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng; lãi chênh lệch: 18.469.000 đồng; phạt chậm trả lãi: 43.757.653 đồng).*

Nay Ngân hàng V khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu: Buộc Công ty T phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ khoản nợ tạm tính đến hết ngày 23/03/2020 tổng số tiền còn nợ là: 1.774.293.798 đồng *(Trong đó: Nợ gốc:1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng; nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng; lãi chênh lệch: 18.469.000 đồng; phạt chậm trả lãi: 43.757.653 đồng)*; đề nghị tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ; phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng V và buộc bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết trong hợp các đồng bảo lãnh.

Anh Cường đề nghị phía Ngân hàng V xem xét giảm khoản tiền lãi, tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ và cho Công ty T được trả dần khoản tiền gốc với Ngân hàng.

Đối với tài sản trên đất đã thế chấp: Từ khi thế chấp đến nay gia đình ông NHT2 và bà Nguyễn Thị Loan không xây dựng công trình gì thêm, không cho ai thuê, mượn hay ở nhờ.

Tại thời điểm hiện tại những người đang sinh sống trên đất bao gồm: Ông NHT2, bà Nguyễn Thị Loan, anh NHT3, chị TTH1, cháu NHĐ2, cháu NTH2 *(con anh T3 + chị H1);* anh NHV, chị Đỗ Thị Linh, cháu NHN *(con anh V1 + chị L1),* ngoài ra không còn ai khác sinh sống trên đất.

**** Ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự:***

+ Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng V: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty T phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi là 43.757.653 đồng và yêu cầu Công ty T do ông KXH là người đại diện theo pháp luật phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 23/03/2020 số tiền là: **1.730.536.145** đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng, nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng, lãi chênh lệch:18.469.000 đồng)* và buộc Công ty T do ông KXH là người đại diện theo pháp luật phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ kể từ ngày 24/3/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng V. Trong trường hợp Công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết nếu sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ. Việc miễn giảm khoản tiền lãi cũng như giãn thời hạn trả nợ sẽ được các bên thỏa

thuận trong quá trình thi hành án sau khi phía Ngân hàng V xem xét thiện chí trả nợ của Công ty T.

+ Anh NCC - Người đại diện theo ủy quyền của anh KXH *(người đại diện theo pháp luật của Công ty T)* và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị Ngân hàng V xem xét giãn thời gian trả nợ, miễn giảm khoản tiền lãi cho Công ty T và cho Công ty T trả dần khoản tiền gốc với Ngân hàng.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:***

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và bị đơn; ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- *Về khoản tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:* Đề nghị chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản phạt chậm trả lãi của Ngân hàng V. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc Công ty T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 23/03/2020 tổng số tiền là: **1.730.536.145** đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng, nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng, lãi chênh lệch:18.469.000 đồng)* và buộc Công ty T phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

- *Về xử lý tài sản bảo đảm:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng V. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo như đã cam cam kết.

- *Về án phí:* Bị đơn là Công ty T phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn (Ngân hàng V) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền dự phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nhận định về tố tụng:

[1.1]. Về việc ủy quyền: Bị đơn - Công ty T (Công ty T) do anh KXH là người đại diện theo pháp luật và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án bao gồm: Ông NHT2, bà ĐTL, anh NHT3 và chị TTH1, anh NHV và chị NTTL1 đều ủy quyền cho anh NCC. Anh NCC đồng ý nhận sự ủy quyền của những người trên nên việc ủy quyền được coi là hợp lệ.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty T (Công ty T); địa chỉ trụ sở chính: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật là anh KXH. Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng tín dụng có mục đích kinh doanh nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Công ty T có trụ sở tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu về quan hệ tín dụng và nghĩa vụ thanh toán nợ:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng V và người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty T là anh NCC đều thừa nhận toàn bộ nội dung thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 061216-3268858-01-SME ngày 07/12/2016 và Khế ước nhận nợ Số 061206 -3268858-08 – SME ngày 08/12/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 170717-3268858-01-SME ngày 19/07/2017 và Khế ước nhận nợ số 210717-3268858-01-SME ngày 21/7/2017; Hợp đồng cho vay từng lần số 041117-3268858-01-SME ngày 06/11/2017 và Khế ước nhận nợ Số 061317-3268858-01-SME ngày 06/11/2017 và anh NCC thừa nhận Công ty T đã được Ngân hàng V giải ngân cho vay tổng số tiền là **2.332.700.000** đồng. Cụ thể: Khế ước nhận nợ Số 061206-3268858-08–SME ngày 08/12/2016, số tiền giải ngân **528.000.000** đồng*;* Khế ước nhận nợ số 210717-3268858-01-SME ngày 21/7/2017, số tiền giải ngân **1.100.000.000** đồng*;* Khế ước nhận nợ Số 061317-3268858 -01-SME ngày 06/11/2017 số tiền giải ngân **704.700.000** đồng. Anh NCC thừa nhận trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ do khó khăn về kinh tế nên Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ba Hợp đồng tín dụng và 03 Khế ước nhận nợ nêu trên đều được các bên (Nguyên đơn, bị đơn) thừa nhận, các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết. Các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực để thi hành. Bên vay là Công ty T đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ. Theo đó, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bên vay là Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền gốc còn nợ, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc là có căn cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty T là anh NCC và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V đều thừa nhận từ khi vay, Công ty T mới trả được cho Ngân hàng V tổng số tiền tạm tính đến ngày

23/03/2020 là: Nợ gốc là: 1.104.681.354 đồng; nợ lãi là: 208.989.887 đồng và đều thừa nhận tạm tính đến hết ngày 23/03/2020, Công ty T còn nợ tổng số tiền là: **1.730.536.145** đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng, nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng, lãi chênh lệch:18.469.000 đồng)*. Ngân hàng V xuất trình đầy đủ tài liệu về khoản nợ gốc, bảng kê tính lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến hết ngày 23/3/2020.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi là 43.757.653 đồng và yêu cầu Công ty T phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 23/03/2020 là: **1.730.536.145** đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng, nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng, lãi chênh lệch:18.469.000 đồng)*. Xét việc rút khoản tiền phạt chậm trả lãi của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Do vậy, buộc Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 23/03/2020 là: **1.730.536.145** đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng, nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng, lãi chênh lệch:18.469.000 đồng)* và buộc Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ kể từ ngày 24/3/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng V.

[2.2]. Xét giá trị pháp lý của hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng, phạm vi tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng bảo lãnh:

Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba được công chứng số 246/2017; Quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2017 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô giữa bên thế chấp là ông NHT2 và bà ĐTL với bên nhận thế chấp là Ngân hàng V. Đối tượng bảo đảm tín dụng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 02, diện tích 339m^2 *(Trong đó: Đất ở 200m^2; Đất trồng cây lâu năm 139m^2)* tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 543914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00650 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/09/2011)* mang tên Hộ ông NHT2 và bà ĐTL. Tại khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba được công chứng số 246/2017; Quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2017 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô quy định về "Nghĩa vụ được bảo đảm và thời hạn thế chấp" có nội dung *"Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên vay với bên Ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này bao gồm tất cả các phụ lục,*

văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn kiện tín dụng này…”. Do đó, Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba được công chứng số 246/2017; Quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/01/2017 giữa bên thế chấp là ông NHT2 và bà ĐTL với bên nhận thế chấp là Ngân hàng V còn bảo đảm cho khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng V trước thời điểm ký hợp đồng thế chấp là Hợp đồng tín dụng số 061216-3268858-01-SME ngày 07/12/2016 với số tiền vay: 528.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp và các thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại Bộ luật Dân sự và Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với Điều 335, 336, 338, 339 Bộ luật Dân sự. Theo đó, các thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp và các thỏa thuận trong Hợp đồng bảo lãnh *(Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL cùng ngày 19/7/2017; Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL cùng ngày 06/11/2017)* có hiệu lực pháp luật để thi hành.

[2.3]. Về xử lý tài sản thế chấp:

Việc xử lý tài sản thế chấp được các bên *(Bên thế chấp và Bên nhận thế chấp)* thỏa thuận và tự nguyện ký kết được quy định tại Điều 6, Điều 7 của Hợp đồng thế chấp. Do vậy, trường hợp Công ty T không T2 toán hoặc không T2 toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 02, diện tích 339m^2 *(Trong đó: Đất ở 200m^2; Đất trồng cây lâu năm 139m^2)* tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 543914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00650 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/09/2011 mang tên Hộ ông NHT2 và bà ĐTL)* để thu hồi số tiền nợ của Công ty T tại Ngân hàng V tạm tính đến hết ngày 23/03/2020 tổng số tiền là: **1.730.536.145** đồng *(Trong đó: Nợ gốc:1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng; nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng; lãi chênh lệch: 18.469.000 đồng)* và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ kể từ ngày 24/3/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.4]. Về nghĩa vụ bàn giao tài sản thế chấp trong trường hợp bên vay** (Công ty T) **không T2 toán hoặc không T2 toán đầy đủ khoản nợ.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ: Trên thửa đất số 471, tờ bản đồ số 02, diện tích 339m^2 tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội mang tên Hộ ông NHT2 và bà ĐTL có: Ông NHT2, bà Nguyễn Thị Loan, anh NHT3, chị TTH1, cháu NHĐ2, cháu NTH2, anh NHV, chị Đỗ Thị Linh, cháu NHN đang sinh sống trên đất. Theo đó, ông T2, bà L, anh T3, chị H1, cháu Đạt, cháu Hường, anh V1, chị L1, cháu

Nam cùng những người đang sinh sống trên thửa đất (nếu có phát sinh thêm) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

[2.5]. Về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và nghĩa vụ khác của Công ty T:

Trường hợp sau khi xử lý, phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty T đối với Ngân hàng V thì anh KXH và anh NCC có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại của Công ty T tại Ngân hàng V theo như hợp đồng bảo lãnh đã ký kết và Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thị hành án Dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh và kê biên phát mại các tài sản khác của Công ty T để thu hồi hết các khoản nợ cho Ngân hàng V.

[3]. Về án phí: Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật phải chịu 63.916.084 đồng án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng V.

Ngân hàng V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền **31.000.000** đồng dự phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 119, 317, 352, 327, 463, 466, 468 và các Điều 335, 336, 338, 339 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

1. Chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật về yêu cầu trả khoản tiền phạt chậm trả là 43.757.653 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật về yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, dành quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ.

3. Buộc Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 23/3/2020 là: **1.730.536.145** đồng *(Một tỷ, bảy trăm ba mươi triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng). (Trong đó: Nợ gốc: 1.228.018.646 đồng; nợ lãi trong hạn: 15.759.211 đồng, nợ lãi quá hạn: 468.289.288 đồng, lãi chênh lệch: 18.469.000 đồng.)* và Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số

061216-3268858-01-SME ngày 07/12/2016 và Khế ước nhận nợ Số 061206 - 3268858-08 – SME ngày 08/12/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 170717-3268858-01-SME ngày 19/07/2017 và Khế ước nhận nợ số 210717-3268858-01-SME ngày 21/7/2017; Hợp đồng cho vay từng lần số 041117-3268858-01-SME ngày 06/11/2017 và Khế ước nhận nợ Số 061317-3268858 -01-SME ngày 06/11/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng V.

Trường hợp Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật trả nợ xong cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 2, diện tích 339m^2 *(Trong đó: Đất ở 200m^2; Đất trồng cây lâu năm 139m^2)* tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận số BG 543914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00650 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/09/2011 mang tên Hộ ông NHT2 và bà ĐTL).*

4. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp Công ty T do anh KXH là người đại diện theo pháp luật không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mại tài sản thế chấp (tài sản bảo đảm) để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 471, tờ bản đồ số 2, diện tích 339m^2 *(Trong đó: Đất ở 200m^2; Đất trồng cây lâu năm 139m^2)* tại địa chỉ: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận số BG 543914, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00650 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/09/2011 mang tên **Hộ ông NHT2 và bà ĐTL**)* để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty T do ông KXH là người đại diện theo pháp luật.

5. Về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty T do ông KXH là người đại diện theo pháp luật. Ngân hàng V có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là anh KXH và anh NCC có nghĩa vụ tiếp tục trả thay toàn bộ khoản nợ còn lại của Công ty T do ông KXH là người đại diện theo pháp luật đối với Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thị hành án Dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh và kê biên phát mại các tài sản khác của Công ty T để thu hồi hết các khoản nợ cho Ngân hàng V.

4. Về án phí:

+ Công ty T do ông KXH là người đại diện theo pháp luật phải chịu **63.916.084** đồng *(Sáu mươi ba triệu, chín trăm mười sáu nghìn, không trăm tám mươi tư đồng)* án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

+ Ngân hàng V được hoàn trả số tiền **31.000.000** đồng *(Ba mươi mốt triệu đồng chẵn)* dự phí đã nộp *(theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số*

AA/2015/0004401 ngày 03/12/2019) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng V và anh NCC có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *TAND Tp.Hà Nội;*
- *VKSND H.Chương Mỹ;*
- *Chi cục THA H.Chương Mỹ;*
- *Lưu HSVA – VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long